ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24 /QĐ-UBND	*Bạc Liêu, ngày 10 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính năm 2021 được chuẩn hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu *(Phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh)*

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung, một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại các Tờ trình số 219/TTr-TTT ngày 29 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục **05** *(năm)* thủ tục hành chính năm 2021 được chuẩn hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu *(Phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh)* kèm theo Phụ lục.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định:

1. Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh Bạc Liêu.

2. Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Thanh tra tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết khiếu nại mới ban hành và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng, Giám đốc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC-VPCP *(để b/c)*;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP; Các PCVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Tr. Phòng NC *(Khuyên)*;
- Tr.P KSTTHC;
- Lưu: VT; *(Tv.T.1)*.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thiều

Phụ lục:

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2021 ĐƯỢC CHUẨN HÓA, THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU *(Phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh)*

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Số TT	Mã số TTHC *(Trên Cổng dịch vụ công quốc gia)*	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC: TIẾP CÔNG DÂN							
01	2.002175.000.00.00.H04	Tiếp công dân tại cấp tỉnh	Trực tiếp	- Đối với nội dung khiếu nại, kiến nghị, phản ánh: Theo khoản 1, Điều 28 Luật Tiếp công dân: Trong thời hạn 10 *(mười)* ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, kiến nghị, phản ánh. - Đối với nội dung tố cáo: Theo Điều 24 Luật Tố cáo năm 2018: Trong thời hạn 07 *(bảy)* ngày làm việc kể từ ngày nhận được tố cáo; trường hợp phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm hoặc phải ủy quyền cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra, xác minh thì thời hạn này có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 *(mười)* ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp công dân tại Thanh tra tỉnh; - Thanh tra sở; các Phòng, Ban chuyên môn thuộc Sở.	Không quy định	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2018; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.

II. LĨNH VỰC: XỬ LÝ ĐƠN							
01	2.001899.000.00.00.H04	Xử lý đơn tại cấp tỉnh	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính	- Đối với đơn khiếu nại, phản ánh, kiến nghị: Trong thời hạn 10 *(mười)* ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn. - Đối với đơn tố cáo: Trong thời hạn 07 *(bảy)* ngày làm việc kể từ ngày nhận được tố cáo; trường hợp phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm hoặc phải ủy quyền cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra, xác minh thì thời hạn này có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 *(mười)* ngày làm việc.	- Bộ phận xử lý đơn tại Thanh tra tỉnh; - Thanh tra sở; các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở.	Không quy định	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2018; - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

III. LĨNH VỰC: GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO							
01	2.002407.000.00.00.H04	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ Bưu chính	Theo Điều 28, Luật Khiếu nại 2011: Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra tỉnh; Thanh tra sở; các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở.	Không quy định	- Luật Khiếu nại 2011. - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại.
02	2.002411.000.00.00.H04	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ Bưu chính	Theo Điều 37, Luật Khiếu nại 2011: Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra tỉnh; Thanh tra sở; các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở.	Không quy định	- Luật Khiếu nại 2011. - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại.

03	2.002394.000.00.00.H04	Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính	Theo quy định tại Điều 30 Luật tố cáo: Thời hạn giải quyết tố cáo: không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra tỉnh; Thanh tra sở; các Phòng, Ban chuyên môn thuộc Sở.	Không quy định	- Luật Tố cáo năm 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.

Tổng số: 05 TTHC